

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề "Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc" (dùng bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Giúp người học nâng cao nhận thức về vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay với những nội dung cơ bản, cần thiết, vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

- Hiểu rõ và hoàn thành tốt nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và của từng cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân tộc, nhằm tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

II. ĐỐI TƯỢNG

- Cấp uỷ cơ sở, cán bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở.

- Cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình gồm 04 chuyên đề:

1. Một số vấn đề chung về dân tộc và quan hệ dân tộc trên thế giới;
2. Đặc điểm chủ yếu các dân tộc ở nước ta;
3. Công tác dân tộc và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta;
4. Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên trong việc thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

Chương trình bồi dưỡng chuyên đề này được biên soạn và phát hành năm 2017 theo hướng thiết thực, bám sát theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII và các nghị quyết Hội nghị Trung ương về vấn đề dân tộc.

Ngoài 04 chuyên đề quy định thống nhất chung, tùy theo từng đối tượng,

yêu cầu và điều kiện của địa phương, cơ sở, có thể lựa chọn báo cáo thêm một số vấn đề như: tình hình, nhiệm vụ của địa phương; kinh nghiệm lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc của các đơn vị làm tốt; thông báo thời sự, chính sách mới; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để chống phá cách mạng nước ta.

Cần tổ chức cho người học đi tham quan thực tế với nội dung phù hợp.

IV. TỔ CHỨC LỚP HỌC

- Căn cứ đối tượng bồi dưỡng (nêu ở phần II) các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện xây dựng kế hoạch, thông qua cấp uỷ và tổ chức các lớp học theo sự chỉ đạo của cấp uỷ.

- Trong thực hiện chương trình, ngoài việc giới thiệu nội dung các chuyên đề, chú ý bố trí thời gian cần thiết để người học trao đổi, thảo luận, hiểu rõ, nắm vững những nội dung đã tiếp thu, liên hệ với bản thân.

V. THỜI GIAN LỚP HỌC: 03 ngày

- Giới thiệu 04 chuyên đề (mỗi chuyên đề 1 buổi): 02 ngày

- Trao đổi, thảo luận, viết thu hoạch: 0,5 ngày

- Tham quan, đi thực tế: 0,5 ngày.

VI. CHỈ ĐẠO MỞ LỚP

Chương trình bồi dưỡng chuyên đề “*Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc*” được thực hiện thống nhất trong cả nước.

Ban tuyên giáo các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có hình thức hướng dẫn thực hiện thích hợp sát với tình hình địa phương, ngành; tổ chức tập huấn giảng viên nắm vững nội dung, phương pháp giảng dạy các chuyên đề trong chương trình bồi dưỡng theo Hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Trung ương.

Việc mở lớp do cấp uỷ quận, huyện và tương đương trực tiếp chỉ đạo. Ban tuyên giáo và trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện có trách nhiệm tham mưu về nội dung và đề xuất danh sách giảng viên để cấp uỷ quyết định. Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch mở lớp.

Sau mỗi lớp học, trung tâm cùng với ban tuyên giáo, ban tổ chức, văn phòng cấp uỷ đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm, báo cáo cấp uỷ huyện, quận và ban tuyên giáo tỉnh uỷ, thành uỷ; tiếp tục theo dõi việc học viên vận dụng, phát huy kết quả học tập trong hoạt động thực tiễn.

Chương trình và tài liệu biên soạn mới này thay cho chương trình và tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành năm 2008.

Việc cấp giấy chứng nhận cho học viên theo quy định hiện hành.

Trong quá trình thực hiện chương trình, nếu có những điểm cần điều chỉnh, bổ sung, Ban Tuyên giáo các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tập hợp, báo cáo Ban Tuyên giáo Trung ương *thg*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Ban (để b/c),
- Ban Tuyên giáo tỉnh, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc TW,
- Trung tâm bồi dưỡng chính trị Đảng uỷ khối các cơ quan Trung ương và Đảng uỷ khối doanh nghiệp TW,
- Các vụ, đơn vị trong Ban,
- Vụ LLCT (08 bản),
- Lưu HC.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Văn Linh

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT
CHUYÊN ĐỀ “VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC”¹
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 44-HD/BTGTW ngày 01 tháng 9 năm 2017
của Ban Tuyên giáo Trung ương)

Chuyên đề 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DÂN TỘC
VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI

I. KHÁI NIỆM DÂN TỘC

Đây là một trong những nội dung trọng tâm của bài. Trong phần này, giảng viên cần làm rõ khái niệm dân tộc theo nghĩa cộng đồng tộc người và khái niệm dân tộc theo nghĩa quốc gia dân tộc.

1. Khái niệm dân tộc theo nghĩa cộng đồng tộc người

Theo nghĩa thông thường, khái niệm dân tộc để chỉ một cộng đồng tộc người (ethnic, ethnies) có chung ngôn ngữ, lịch sử - nguồn gốc, đời sống văn hoá và ý thức tự giác dân tộc. Bao gồm bốn điểm chung lớn nhất, đó là:

- Chung một ngôn ngữ (tiếng nói);
- Chung một lịch sử nguồn gốc;
- Chung một đời sống văn hóa;
- Cùng tự nhận mình là dân tộc đó (ý thức tự giác chung về dân tộc).

2. Khái niệm dân tộc theo nghĩa quốc gia dân tộc

Theo nghĩa rộng, dân tộc chỉ cộng đồng người cùng sinh sống trong một quốc gia, một nước.

Từ việc phân tích, làm rõ khái niệm dân tộc, giảng viên cần khẳng định: Khái niệm dân tộc cần được hiểu theo hai bình diện, dân tộc là cộng đồng tộc người và dân tộc hiểu theo nghĩa rộng là cư dân của một quốc gia. Thực chất hai vấn đề không giống nhau, nhưng có liên quan mật thiết, hữu cơ với nhau. Khi nói đến dân tộc Việt Nam không thể không nói đến 54 dân tộc (tộc người) đang sinh sống ở nước ta hoặc ngược lại, khi nói đến các dân tộc ở Việt Nam không thể không nói đến cộng đồng dân tộc Việt Nam.

¹ Địa chỉ giao dịch, liên hệ:

Trung tâm Phát hành - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

06/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: 024.38221581 - 024.38221591 - 04.39422008;

Hotline: 097 332 8914 (Lê Thị Diễm) .Fax: 024.39410661

Email: phongkinhdoanltpb@gmail.com ;

II. TÌNH HÌNH DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI

Trong phần này, giảng viên cần nêu được một số nội dung sau:

1. Tình hình dân tộc trên thế giới

Hiện nay, người ta chưa thống kê được chính xác trên thế giới có bao nhiêu dân tộc (tộc người, theo bốn tiêu chí trên), nhưng theo một số nhà khoa học, con số đó khoảng vài ngàn².

Về quốc gia dân tộc, trên thế giới ngày nay có hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, có dân số và diện tích, trình độ phát triển kinh tế rất khác nhau.

2. Quan hệ dân tộc trên thế giới

Đây là nội dung trọng tâm của phần II, giảng viên cần làm rõ: Các dân tộc trên thế giới không sống biệt lập mà có quan hệ qua lại nhiều chiều với nhau. Cùng với tiến trình lịch sử, mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng trở nên phong phú và đa dạng. Quan hệ dân tộc chịu ảnh hưởng của các mối quan hệ và các yếu tố sau:

- *Quan hệ dân tộc xuất phát và chịu ảnh hưởng của quan hệ lợi ích*
- *Vấn đề dân tộc trên thế giới có quan hệ chặt chẽ với vấn đề tôn giáo*
- *Vấn đề dân tộc luôn gắn rất chặt với vấn đề giai cấp, đặc biệt trong quan hệ lợi ích*
- *Quan hệ giữa các dân tộc còn liên quan đến quan hệ giữa các nền văn hóa*

III. NGUỒN GỐC CỦA CÁC CUỘC XUNG ĐỘT DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

Đây là một trong những nội dung trọng tâm của bài. Trong phần này, giảng viên cần nêu và phân tích rõ 04 nguồn gốc xung đột dân tộc trên thế giới ngày nay:

1. **Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc**
2. **Chủ nghĩa dân tộc cực đoan**
3. **Vấn đề dân tộc chưa được giải quyết đúng đắn**
4. **Sự can thiệp của các nước tư bản đế quốc vì lợi ích của chúng**

Từ việc phân tích, làm rõ 04 nguồn gốc xung đột dân tộc trên thế giới, giảng viên cần khẳng định: Dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong mỗi quốc gia và trên thế giới là những vấn đề rất quan trọng và rất nhạy cảm. Chủ nghĩa tư bản với bản chất áp bức, bóc lột và bất công không thể giải quyết được vấn đề dân tộc và không thể đưa các dân tộc đến một xã hội bình đẳng, hữu nghị và hợp tác. Con đường để giải quyết vấn đề dân tộc trên thế giới chỉ có thể tìm thấy ở chủ nghĩa Mác-Lênin, được V.I.Lênin nêu ra một cách rõ ràng là: các dân tộc bình đẳng, các

² Nếu tính theo tiêu chí ngôn ngữ, hiện nay trên thế giới có khoảng 7.000 ngôn ngữ khác nhau. Nhưng nhiều nhà khoa học đã cảnh báo, sau 100 năm nữa hơn 5.000 ngôn ngữ sẽ bị biến mất (T.G).

dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Trình bày tình hình dân tộc và quan hệ dân tộc trên thế giới hiện nay?
2. Phân tích nguồn gốc của các cuộc xung đột dân tộc trên thế giới hiện nay?

Chuyên đề 2

ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU CÁC DÂN TỘC Ở NƯỚC TA

Trong bài này, giảng viên cần phân tích làm rõ: Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc. Nghiên cứu đặc điểm các dân tộc ở nước ta giúp cho việc nắm vững cơ sở của chính sách dân tộc của Đảng, điều kiện để thực hiện tốt công tác dân tộc. Khái niệm dân tộc trong phần này hiểu theo nghĩa cộng đồng tộc người trong phạm vi quốc gia như đã nêu ở trên.

I. VIỆT NAM LÀ QUỐC GIA CÓ NHIỀU DÂN TỘC

Trong phần này, giảng viên cần phân tích và làm rõ được 2 nội dung:

1. Đại gia đình dân tộc Việt Nam thống nhất hiện có 54 dân tộc anh em, dân số giữa các dân tộc không đều nhau

2. Cộng đồng dân tộc Việt Nam hiện nay là kết quả của một quá trình hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử

Từ đó, giảng viên khẳng định: Theo các tài liệu chính thức, nước ta có 54 dân tộc được hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử. Dân tộc Kinh (Việt) là dân tộc đa số, chiếm hơn 85,7% dân số. Trong các dân tộc thiểu số, quy mô dân số cũng có sự chênh lệch đáng kể. Tuy số dân có sự chênh lệch đáng kể, nhưng các dân tộc luôn luôn coi nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu đùm bọc và gắn bó với nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC TA CÓ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT

Trong phần này, giảng viên cần nêu 2 nội dung:

Thứ nhất, trong 54 dân tộc anh em của cộng đồng dân tộc Việt Nam, nhiều dân tộc có chung cội nguồn.

Thứ hai, truyền thống đoàn kết của các dân tộc nước ta được hun đúc qua mấy ngàn năm lịch sử cùng nhau chung lưng đấu cật chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm.

Từ 2 nội dung này, giảng viên cần làm rõ: Nét chủ đạo, sợi chỉ đỏ xuyên

suốt lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam là mối quan hệ, đoàn kết keo sơn giữa các dân tộc nước ta, giữa dân tộc đa số và các dân tộc thiểu số, giữa các dân tộc thiểu số với nhau. Truyền thống đoàn kết, tương trợ đó được thể hiện qua sự nghiệp dựng nước và giữ nước của các dân tộc trong lịch sử, đó là quy luật phát triển của dân tộc Việt Nam.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhân dân các dân tộc trên đất nước ta đã phát huy cao độ tinh thần đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được trong quá trình đổi mới cho thấy khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta đã có tầm cao mới và chiều sâu mới, là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của đất nước, làm cho thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Giữ gìn và tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc hiện nay vẫn là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của mỗi người dân Việt Nam.

III. CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM CƯ TRÚ XEN KẼ NHAU

Trong phần này, giảng viên cần phân tích làm rõ:

Đến nay, nét nổi bật nhất là các dân tộc ở Việt Nam cư trú xen kẽ. Nhiều tỉnh có tới trên 20 dân tộc như: Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng... Riêng tỉnh Đắk Lắk hơn 40 dân tộc anh em. Phần lớn các huyện miền núi có từ 5 dân tộc trở lên cư trú. Nhiều xã, bản có tới 3 hoặc 4 dân tộc cùng sinh sống.

Tình trạng cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ở nước ta, *một mặt* là điều kiện để tăng cường hiểu biết nhau, đoàn kết, xích lại gần nhau, xây dựng cộng đồng các dân tộc ngày càng gắn bó vững chắc, cùng nhau tiến bộ và phát triển, sự cách biệt về trình độ phát triển từng bước thu hẹp lại; *mặt khác*, cần đề phòng trường hợp có thể do chưa thật hiểu nhau, khác nhau về phong tục, tập quán... làm xuất hiện mâu thuẫn, tranh chấp về lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế, dẫn tới khả năng va chạm giữa những người thuộc các dân tộc cùng sinh sống trên một địa bàn. Là cơ sở để các thế lực thù địch lợi dụng, khoét sâu những va chạm, mâu thuẫn trong quan hệ dân tộc để chia rẽ, làm suy yếu sự đoàn kết các dân tộc để dễ dàng thực hiện ý đồ xâm lược hoặc duy trì ách thống trị của chúng.

IV. CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA CHỦ YẾU CƯ TRÚ TRÊN CÁC VÙNG RỪNG NÚI, BIÊN GIỚI, CÓ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG

Ở phần này, giảng viên cần phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn về vị

trí cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế, về đảm bảo quốc phòng an ninh, trong quan hệ đối ngoại...

1. Về kinh tế

Phần lớn các dân tộc thiểu số nước ta cư trú ở miền núi. Đây là khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn. Ngoài ra, đường biên giới trên đất liền của nước ta dài 4.000km thì 3.000 km nằm ở khu vực miền núi. Tại đây có nhiều cửa ngõ thông thương với các nước láng giềng. Đây là điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá giữa nước ta với các nước láng giềng, qua đó tới các nước trong khu vực và trên thế giới. Song đây cũng là địa bàn hiểm trở, khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn; khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn buôn lậu, ma tuý xâm nhập....

2. Về quốc phòng, an ninh

Miền núi, biên giới là "phên dậu" vững chắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, chống âm mưu xâm nhập, gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ sự nghiệp hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Về quan hệ đối ngoại

Ở vùng biên giới có các dân tộc thiểu số vừa cư trú ở Việt Nam, vừa cư trú ở nước láng giềng, giữ quan hệ dòng họ, quan hệ thân tộc với nhau. Những năm gần đây, các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, kích động, gây chia rẽ, mất đoàn kết giữa các dân tộc. Bởi vậy, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta không chỉ vì lợi ích các dân tộc thiểu số mà còn vì lợi ích cả nước, không chỉ là đối nội mà còn là đối ngoại, không chỉ về kinh tế - xã hội, mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia.

V. CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM CÓ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÔNG ĐỀU NHAU

Ở các quốc gia có nhiều dân tộc, sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc là tình trạng khá phổ biến, do nhiều nguyên nhân: lịch sử, xã hội, điều kiện tự nhiên nơi sinh sống quy định.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách theo tinh thần tạo điều kiện để từng bước miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiến kịp vùng đồng bào đa số. Qua hơn 30 năm đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có sự phát triển vượt bậc. Tuy nhiên, giữa các dân tộc thiểu số

với nhau cũng như giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều chênh lệch. Vì vậy, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu ra những định hướng lớn về công tác dân tộc, đó là: “*Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số*”³.

VI. NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM LÀ NỀN VĂN HÓA THÔNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG, MỖI DÂN TỘC ANH EM CÓ NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ SẮC THÁI VĂN HÓA RIÊNG

Trong phần này, giảng viên cần phân tích, làm rõ:

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, mỗi dân tộc an hem có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Ở nước ta có *nhiều dòng ngôn ngữ*, trong mỗi dòng lại có những nhóm khác nhau. *Văn hóa, sản xuất, kiến trúc, xây dựng ...* giữa các dân tộc có nhiều nét khác nhau. *Văn hóa ăn, mặc* của các dân tộc hết sức phong phú. *Phong tục, tập quán, lối sống* mỗi dân tộc một khác nhau. *Tổ chức xã hội* của dân tộc Kinh có xóm, làng, xã; dân tộc Thái có bản, mường; dân tộc Êđê có buôn, xã; dân tộc Khmer có phum, xóc... *Già làng, già bản* ở nhiều dân tộc thiểu số có uy tín cao. Đặc biệt, các dân tộc thiểu số ở nước ta có *kho tàng văn hóa dân gian*, bao gồm các làn điệu dân ca, các điệu múa, các bản trường ca, v.v., vô cùng phong phú và có giá trị nghệ thuật lớn. Chính bản sắc văn hóa mỗi dân tộc nước ta tạo nên nền văn hoá Việt Nam rực rỡ. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao và nhu cầu phát triển của từng dân tộc.

VII- VIỆT NAM CÓ MỘT BỘ PHẬN ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ THEO CÁC TÔN GIÁO KHÁC NHAU

Trong phần này, giảng viên cần phân tích, làm rõ:

Về mặt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, đồng bào các dân tộc thiểu số ở ba

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. CTQG, HN, 2001, tr.81